

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN 10
(Năm học 2025 – 2026)

A. HỆ THỐNG HÓA KIẾN THỨC ĐÃ HỌC

Câu 1: Lập bảng tổng hợp hay vẽ sơ đồ tư duy về danh mục các loại, thể loại và nhan đề các văn bản đọc trong Ngữ Văn 10, tập một (theo mẫu)

STT	Loại / Thể loại	Nhan đề
1	Thần thoại	Truyện về các vị thần sáng tạo thế giới
2	Truyện kì	Tản viên tù Phán sự lục
3	Truyện ngắn	Chữ người tử tù
4	Sử thi	

Câu 2: Trình bày khái quát những kiến thức thu nhận được về đặc điểm từng loại, thể loại văn bản đọc đã học trong sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập một theo bảng gợi ý sau:

Stt	Loại, thể loại	Đặc điểm (nội dung và hình thức)
1	Thần thoại	- Về nội dung: Thể hiện quan niệm về vũ trụ và khát vọng chinh phục thế giới tự nhiên của con người thời nguyên thủy - Về hình thức: + Mang tính nguyên hợp: chứa đựng các yếu tố nghệ thuật, tôn giáo, triết học, lịch sử... + Có cốt truyện đơn giản: có thể là cốt truyện đơn tuyến, tập trung vào một nhân vật hoặc là một tổ hợp nhiều cốt truyện đơn (tạo thành một “hệ thần thoại) + Nhân vật chính: là các vị thần/những con người có nguồn gốc thần linh...được miêu tả với hình dạng khổng lồ, hoặc với sức mạnh phi thường... + Câu chuyện trong thần thoại gắn liền với thời gian phiếm chỉ, mang tính ước lệ và không gian vũ trụ với nhiều cõi khác nhau

Stt	Loại, thể loại	Đặc điểm (nội dung và hình thức)
		+ Lối tư duy hồn nhiên, chất phác, ý tưởng bay bổng, lãng mạn.
2	Truyện truyền kì	- Về nội dung: + Kể về những câu chuyện kì lạ + Có nguồn gốc từ Trung Quốc + Khi về Việt Nam thì các tác giả trung đại Việt Nam đã sử dụng một cách sáng tạo thể loại truyền kì để phản ánh những vấn đề thiết yếu của con người, thời đại - Về hình thức: + Sử dụng nhiều yếu tố kì ảo + Xây dựng các nhân vật có hành trạng khác thường.
3	Thơ Hai-cư	- Về nội dung: Biểu hiện những rung cảm của con người trước thiên nhiên bằng những hình ảnh trong sáng, nhẹ nhàng nhưng cũng đậm tính tượng trưng - Về hình thức: + Bài thơ Hai-cư trong tiếng Nhật chỉ gồm 3 dòng (dòng 1 và dòng 3 có năm âm tiết, dòng 2 có bảy âm tiết) + Thơ Hai-cư hiện đại có những đặc điểm riêng về bút pháp trong khi đó vẫn bảo lưu một số nguyên tắc quan trọng của tư duy và mỹ cảm của thơ Hai-cư truyền thống: + Được cấu từ quanh một phát hiện mang tính chất “bùng nổ” về mối quan hệ giữa các sự vật, hiện tượng, về sự tương thông đầy bí ẩn giữa thế giới và con người. + Thiên về khơi gợi hơn là miêu tả và diễn giải. + Kiệm lời nhưng vẫn gợi nhiều cảm xúc và suy tưởng.
4	Thơ Đường Luật	- Về dạng: Thơ Đường luật có 3 dạng chính: + Thơ bát cú (8 câu) + Thơ tuyệt cú (4 câu) + Thơ bài luật (dạng kéo dài của thơ Đường Luật) - Về bố cục:

Stt	Loại, thể loại	Đặc điểm (nội dung và hình thức)
		Một bài thơ thất ngôn bát cú Đường luật gồm 4 cặp câu (liên thơ), tương ứng với bốn phần: đề - thực – luận – kết. Bài thơ chỉ gieo 1 vần (là vần bằng) ở các câu 1-2-4-6-8 (chữ cuối của câu thứ nhất có thể gieo vần hoặc không). - Về luật bằng trắc: Có quy định về sự hòa thanh trong từng câu và trong các bài để đảm bảo sự cân bằng, hài hòa cho âm hưởng của toàn bộ bài thơ. - Về đối: Đối ở câu thực và câu luận - Tứ thơ: xây dựng theo các mối quan hệ tương đồng hay là đối lập, tả ít gợi nhiều, tả gián tiếp hơn là trực tiếp.
5	Thơ mới	- Về nội dung: Bộc lộ những tình cảm, cảm xúc cá nhân cũng như ý thức cá tính của con người với nhiều biểu hiện đa dạng, độc đáo. - Về hình thức: + Đột phá mạnh mẽ khỏi những nguyên tắc thi pháp chi phối mười thế kỉ thơ trung đại trước đó. + Bài thơ được tổ chức theo dòng chảy tự nhiên của cảm xúc thay vì theo mô hình luật thơ đã định sẵn từ trước. + Câu thơ, các phương thức gieo vần, ngắt nhịp, tạo nhạc điệu trở nên linh hoạt, tự do hơn. + Hình ảnh thơ bộc lộ rõ nét dấu ấn chủ quan trong cách quan sát, cảm nhận và tưởng tượng về thế giới.
6	Văn bia	- Về nội dung: Ghi chép những sự kiện quan trọng hoặc tên tuổi, sự nghiệp của những người có công đức lớn để lưu truyền hậu thế. - Về hình thức: + Là loại văn được khắc trên bia đá. + Gồm nhiều thể khác nhau. + Là những áng văn nghị luận độc đáo, giàu hình tượng, chứa đựng giá trị tư tưởng, nhân văn sâu sắc.
7	Sử thi	- Về nội dung:

Stt	Loại, thể loại	Đặc điểm (nội dung và hình thức)
		+ Xoay quanh những biến cố trọng đại liên quan đến vận mệnh của toàn thể cộng đồng như chiến tranh hay công cuộc chinh phục thiên nhiên để ổn định và mở rộng địa bàn cư trú. + Không chỉ lưu dấu những biến cố quan trọng trong lịch sử của một cộng đồng, mà còn phản ánh diện mạo đời sống tinh thần, hệ giá trị, niềm tin của cộng đồng ấy. - Về hình thức: Là thể loại tự sự sai + Dung lượng đồ sộ + Ra đời vào thời cổ đại + Nhân vật sử thi: Là người anh hùng đại diện cho sức mạnh, phẩm chất lí tưởng và khát vọng chung của cộng đồng, có thể bao quát cả thế giới thần linh và con người. + Thời gian sử thi là quá khứ thiêng liêng, thuộc về một thời đại xa xưa được cộng đồng ngưỡng vọng. + Lời kể trong sử thi: thành kính, trang trọng, nhịp điệu chậm rãi, trần thuật tỉ mỉ, lặp đi lặp lại những từ ngữ khắc họa đặc điểm cố định của nhân vật, sự vật thường xuyên sử dụng thủ pháp so sánh trùng điệp, mang tính khoa trương, cường điệu.
8	Chèo	- Về đặc điểm: + Là một loại kịch hát dân gian, phổ biến ở vùng đồng bằng Bắc Bộ. + Nghệ thuật chèo mang tính tổng hợp, có sự phối hợp nhuần nhuyễn giữa nói, hát, múa với sự hỗ trợ của các đạo cụ, nhạc khí dân tộc độc đáo, trên cơ sở một tích trò (còn gọi là tích truyện, chèo bản hay đơn giản là tích có sẵn). + Tích trò: Là yếu tố đầu, là điểm tựa cho toàn bộ hoạt động biểu diễn, tuy có tính ổn định nhưng vẫn có thể thêm thắt, bổ sung cho diễn viên.

Stt	Loại, thể loại	Đặc điểm (nội dung và hình thức)
		+ Nhân vật của chèo: gồm nhiều hạng người trong xã hội, có địa vị, nghề nghiệp, giới tính, tuổi tác khác nhau. Gồm 2 loại chính: vai chín (tích cực) và vai lệch (tiêu cực). Mỗi nhân vật thường tự biểu hiện mình bằng một số làn điệu hát và động tác múa đặc trưng.
9	Tuồng	- Về đặc điểm: + Là một loại hình kịch hát cổ truyền của dân tộc, bao gồm 2 loại chính khác biệt nhau là: tuồng cung đình và tuồng dân gian. + Nghệ thuật tuồng: mang tính tổng hợp, phối hợp cả văn học, ca nhạc và vũ đạo. Tích tuồng dân gian giàu yếu tố hài, hướng tới châm biếm các thói hư tật xấu hay đả kích một số hạng người nhất định trong xã hội. Một tích tuồng thường có nhiều dị bản (do được bổ sung, nắn chỉnh thường xuyên trong quá trình biểu diễn, lưu truyền).

Câu 3: Tổng hợp các nội dung thực hành Tiếng Việt đã thực hiện trong sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập một theo bảng gợi ý sau:

STT	Nội dung thực hành	Ý nghĩa của hoạt động thực hành
1	Sử dụng từ Hán Việt	- Giúp học sinh nhận biết được từ Hán Việt. - Giúp học sinh giải thích được nghĩa của các từ ngữ Hán Việt. - Nhận biết được ý nghĩa của việc sử dụng từ Hán Việt. - Khiến học sinh lưu ý khi dùng từ Hán Việt (đảm bảo đúng ý nghĩa, ngữ cảnh).
2	Lỗi dùng từ, lỗi về trật tự từ và cách sửa	- Giúp học sinh nhận biết được lỗi sai khi dùng từ và sửa lỗi sai đó.

		- Giúp học sinh nhận biết được các lỗi về trật tự từ và sửa lỗi sai. - Đưa ra được các phương án sửa lỗi sai phù hợp.
3	Lỗi về liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản: Dấu hiệu nhận biết và cách chỉnh sửa	- Giúp học sinh hiểu thế nào là liên kết và mạch lạc trong đoạn văn, văn bản. - Nhận biết được dấu hiệu của sự mạch lạc. - Thấy được những lỗi sai khi liên kết, diễn đạt. - Đưa ra được các phương án sửa lỗi sai đó.
4	Sử dụng trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản	- Giúp học sinh hiểu ý nghĩa của việc trích dẫn, cước chú và cách đánh dấu phần bị tình lược trong văn bản. - Nâng cao kỹ năng sử dụng trích dẫn. - Giáo dục cho học sinh sự tôn trọng quyền sở hữu trí tuệ.

Câu 4: Liệt kê các kiểu bài viết đã thực hiện trong sách giáo khoa Ngữ Văn 10, tập một và nêu vắn tắt yêu cầu của từng kiểu bài:

STT	Kiểu bài viết	Yêu cầu của kiểu bài viết
1	Văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm truyện (chủ đề, những nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật). + Giới thiệu ngắn gọn về tác phẩm truyện (nhan đề, tên tác giả,...) và ý kiến khái quát của người viết về tác phẩm. + Tóm tắt tác phẩm truyện (vừa đủ để người đọc nắm được nội dung chính). + Phân tích cụ thể, rõ ràng về tác phẩm truyện (chủ đề, nét đặc sắc về hình thức nghệ thuật và tác dụng của chúng) với những cứ liệu sinh động. + Đánh giá về tác phẩm truyện dựa trên các lí lẽ và bằng chứng thuyết phục. + Khẳng định giá trị của tác phẩm truyện.

2	Văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ	Viết văn bản nghị luận phân tích, đánh giá một tác phẩm thơ. + Giới thiệu ngắn gọn về bài thơ được chọn (tác giả, hoàn cảnh ra đời của tác phẩm, khuynh hướng, trào lưu văn học gắn với bài thơ, lý do lựa chọn bài thơ để phân tích, đánh giá). + Chỉ ra và phân tích được những đặc sắc độc đáo của bài thơ (từ ngữ, hình ảnh, cách tổ chức nhịp điệu, cách liên kết mạch cảm xúc và hình ảnh...). + Đánh giá giá trị của bài thơ về phương diện nghệ thuật cũng như ý nghĩa nhân sinh.
3	Bài luận thuyết phục	Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm. + Nêu được thói quen hay quan niệm cần từ bỏ. + Chỉ ra được các biểu hiện hoặc khía cạnh của thói quen hay quan niệm cần từ bỏ. + Phân tích tác động tiêu cực của thói quen hay quan niệm đó đối với cá nhân và cộng đồng. + Nêu những giải pháp mà người đọc được thuyết phục có thể thực hiện để từ bỏ một thói quen hay quan niệm không phù hợp.
4	Báo cáo nghiên cứu	Viết báo cáo nghiên cứu về một vấn đề. + Nêu được đề tài và vấn đề nghiên cứu được đặt ra trong báo cáo. + Trình bày được kết quả nghiên cứu thông qua hệ thống các luận điểm sáng rõ, thông tin xác thực. + Khai thác được các nguồn tham khảo chính xác, đáng tin cậy, sử dụng các trích dẫn, cước chú và phương tiện hỗ trợ phù hợp, thể hiện sự minh bạch trong việc kế thừa những kết quả nghiên cứu đã có.
5	Báo cáo nghiên cứu	Viết báo cáo nghiên cứu (Về một vấn đề sân khấu dân gian Việt Nam). +Nêu được vấn đề muốn nghiên cứu về sân khấu dân gian Việt Nam.

		+ Biết sử dụng những phương pháp nghiên cứu phù hợp. + Xây dựng được hệ thống luận điểm sáng rõ, làm nổi bật được các kết quả nghiên cứu với những cứ liệu minh họa cụ thể, sát hợp. + Sử dụng ngôn ngữ khách quan, khoa học để trình bày kết quả nghiên cứu và thể hiện quan điểm đánh giá riêng. + Khái quát được ý nghĩa của vấn đề sâu sắc dân gian đã chọn nghiên cứu. + Thể hiện được thái độ trung thực khi kế thừa kết quả nghiên cứu của những người khác.
--	--	---

Câu 5: Nhớ lại các nội dung của hoạt động nói và nghe đã thực hiện trong sách giáo khoa Ngữ Văn 10

- Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm truyện.
- Giới thiệu, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của một tác phẩm thơ.
- Thảo luận về một vấn đề đời sống có ý nghĩa khác nhau.
- Trình bày báo cáo nghiên cứu về một vấn đề.

B. CẤU TRÚC ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I: Tự luận

I. THỜI GIAN - CẤU TRÚC – CẤP ĐỘ – THANG ĐIỂM

***Thời gian: 90 phút**

***Gồm 2 phần:**

- Phần 1: Đọc hiểu (4.0 điểm)

+ 05 câu = 4,0 điểm (02 câu nhận biết, 02 câu thông hiểu, 01 câu vận dụng)

+ Phạm vi: Văn bản ngoài chương trình (thơ hoặc truyện)

- Phần 2: Viết (6.0 điểm) Viết bài văn nghị luận xã hội

Kiểu bài: Viết bài luận thuyết phục người khác từ bỏ một thói quen hay một quan niệm.

- Ma trận trọng số: **BÀI THI CUỐI HỌC KÌ I NĂM HỌC 2025-2026**

TT	Kĩ năng	Mức độ nhận thức			Tổng	%
		Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng		
		Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Tỉ lệ (%)	Số câu hỏi	Tổng điểm

1	Đọc hiểu văn bản văn học (Thơ, truyện)	10	20	10	05	40
2	Viết bài nghị luận xã hội	20	10	30	01	60
Tổng		30	30	40	06	100
Tỉ lệ %		30	30	40		100
Tỉ lệ chung		60		40		100

II. ĐỀ VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM MINH HOẠ

ĐỀ 1: PHẦN I. ĐỌC HIỂU (4,0 điểm)

Đọc bài thơ:

Đi thi tự vịnh

(Nguyễn Công Trứ)

Đi không há lẽ trở về không?

Cái nợ cầm thư phải trả xong.

Rắp mượn điền viên vui tuế nguyệt

Trót đem thân thế hẹn tang bồng

Đã mang tiếng ở trong trời đất,

Phải có danh gì với núi sông

Trong cuộc trần ai ai dễ biết,

Rồi ra mới biết mặt anh hùng

(*Thơ Nôm Đường luật*- NXB Giáo dục ,1998, tr.429)

Thực hiện các yêu cầu sau:

Câu 1: Xác định thể thơ của bài thơ trên.

Câu 2: Nhân vật trữ tình trong bài thơ là ai?

Câu 3: Giải thích từ điền viên ?

Câu 4: Chỉ ra nội dung của hai câu thơ sau:

“ Đã mang tiếng ở trong trời đất

Phải có danh gì với núi sông”

Câu 5: Thông điệp nào của bài thơ có ý nghĩa nhất đối với anh/chị ?

PHẦN II. VIẾT (6,0 điểm)

Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.

----- Hết -----

ĐÁP ÁN HƯỚNG DẪN

Câu	Nội dung	Điểm
PHẦN I: ĐỌC HIỂU		4,0
1	Thẻ thơ: thất ngôn bát cú Đường luật. - Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/không trả lời: 0 điểm	0,5
2	Nhân vật trữ tình trong bài thơ là một trang nam nhi / chàng trai / tác giả Nguyễn Công Trứ sống trong xã hội phong kiến. - Trả lời đúng như đáp án: 0,5 điểm - Trả lời sai/không trả lời: 0 điểm	0,5
3	-Giải thích từ Điền viên : Điền là ruộng; viên là vườn. Điền viên là một thú chơi đồng ruộng. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 1/2 ý: 0,5 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,25 điểm	1,0
4	Nội dung của hai câu thơ: <i>Đã mang tiếng ở trong trời đất, Phải có danh gì với núi sông.</i> - Hai câu thơ thể hiện quan niệm về chí làm trai của Nguyễn Công Trứ . Tác giả khẳng định mạnh mẽ, chắc nịch rằng đã là bậc nam nhi sống trong trời đất, sống giữa cuộc đời thì phải lập được công danh, gây dựng được sự nghiệp lớn lao, góp phần xây dựng đất nước, để lại tiếng thơm muôn đời. - Đây là quan niệm sống tích cực, thể hiện được ý thức của con người về tài năng của bản thân, về vai trò, trách nhiệm của bản thân với đất nước; có tác dụng cổ vũ, khích lệ con người cá nhân sống có lý tưởng cao đẹp, sống biết cống hiến, có ý thức trách nhiệm với bản thân, đất nước. Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời được ½ mỗi ý: 0,25 điểm	1,0

5	Học sinh rút ra một thông điệp có ý nghĩa nhất đối với bản thân. Có thể theo gợi ý sau: - Sống phải có lý tưởng cao đẹp/ có khát vọng lớn lao/ có niềm tin vào bản thân. - Sống phải biết cống hiến - Ý thức được tài năng của bản thân, vai trò, trách nhiệm của bản thân với đất nước Hướng dẫn chấm: - Trả lời được đầy đủ như đáp án: 1,0 điểm - Trả lời được 2 ý nhưng chưa đầy đủ: 0,75 điểm - Trả lời được 1 ý: 0,5 điểm - Trả lời được $\frac{1}{2}$ mỗi ý: 0,25 điểm	1,0
PHẦN II: LÀM VĂN		6,0
	Vứt rác bừa bãi là thói quen phổ biến của nhiều người. Em hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục mọi người từ bỏ thói quen này.	
	<i>a. Đảm bảo cấu trúc:</i> Mở bài nêu được vấn đề, Thân bài triển khai được vấn đề, Kết bài khái quát được vấn đề.	0,25
	<i>b. Xác định đúng vấn đề</i> Nghị luận về vấn đề: Vượt lên nỗi đau của chính mình để yêu thương người khác.	0,5
	<i>c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm</i> Học sinh có thể triển khai theo nhiều cách nhưng cần vận dụng tốt các thao tác lập luận, kết hợp chặt chẽ giữa lí lẽ và dẫn chứng; đảm bảo các yêu cầu sau: 1. Mở bài: Dẫn dắt và nêu vấn đề của bài viết Ô nhiễm môi trường luôn là vấn đề bức thiết, thu hút sự quan tâm của toàn xã hội. Một trong những nguyên nhân gây nên nạn ô nhiễm môi trường là do thói quen xả rác bừa bãi của con người. Đây là thói quen xấu phổ biến của nhiều người cần phải từ bỏ. 2. Thân bài * Giải thích thế nào là thói quen xả rác bừa bãi và thực trạng của thói quen này:	4,5 0,5 1,0

	- Vứt rác bừa bãi là vứt rác tùy ý, không đúng nơi quy định, vứt mọi nơi mọi lúc gây nên ô nhiễm môi trường. - Vứt rác bừa bãi là thói quen xấu xảy ra ở nhiều người, nhiều địa điểm: cầu cống, sông ngòi, đường xã, các khu du lịch, bãi biển, trên các phương tiện công cộng,... *Những lí do mọi người nên từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi: - Hành động vứt rác bừa bãi sẽ gây ô nhiễm môi trường; bên cạnh đó còn có thể phát sinh hàng loạt các dịch bệnh nguy hiểm và có thể ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe và đời sống con người. - Vứt rác bừa bãi làm mất cảnh quan sinh thái, các khu du lịch hay danh lam thắng cảnh. - Gây tổn hại tiền của cho nhà nước để xử lí rác thải. - Tạo ra một thói quen xấu trong đời sống văn minh hiện đại: Lối sống của mỗi người ngày càng văn minh, tiến độ ứng xử có văn hóa. Đặc biệt là trong yêu cầu của cuộc sống ngày nay, đường phố xanh - sạch - đẹp là một tiêu chuẩn không thể thiếu đối với một thành phố văn minh, sạch đẹp. Điều đó khiến mỗi người cần có ý thức giữ gìn vệ sinh để bảo vệ sức khỏe cho bản thân mình và người khác. * Dự đoán lập luận của người có thói quen trì xả rác bừa bãi để phản biện lại: - Người có thói quen xả rác bừa bãi có thể đưa ra lời biện minh cho thói quen là: do thùng đựng rác nơi công cộng còn thiếu hoặc đặt ở vị trí không thuận tiện cho việc vứt rác. - Người viết có thể phản biện lại: Nếu bạn thực sự có ý thức bảo vệ môi trường thì bạn sẽ biết cách hành động bỏ rác đúng nơi quy định, dù việc đó có mất thêm thời gian của bạn. * Làm thế nào để từ bỏ thói quen vứt rác bừa bãi? - Mỗi người cần nâng cao ý thức của mình trong việc bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh công cộng. - Tích cực tham gia các hoạt động thu gom rác thải, bảo vệ môi trường như: <i>Ngày thứ bảy tình nguyện, ngày chủ nhật xanh</i>,... - Tuyên truyền những người xung quanh cùng chung tay giữ gìn môi trường sống xung quanh sạch sẽ, trong lành.	1,0 0,5 1,0 0,5
--	---	---

	3. Kết bài: - Nêu suy nghĩ của bản thân về “vứt rác bừa bãi” - Tuyên truyền và động viên mọi người trong việc bảo vệ môi trường. Hướng dẫn chấm: - <i>Viết đầy đủ, sâu sắc: 1,75 điểm – 2,5 điểm.</i> - <i>Viết đầy đủ nhưng có ý còn chưa rõ, chưa sâu: 1,0 điểm - 1,5 điểm.</i> - <i>Viết chưa đầy đủ hoặc chung chung, sơ sài: 0,25 điểm - 0,75 điểm.</i>	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp tiếng Việt. Hướng dẫn chấm: Không cho điểm nếu bài làm có quá nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp.	0,25
	<i>e. Sáng tạo</i> Thể hiện suy nghĩ sâu sắc về vấn đề nghị luận; có cách diễn đạt mới mẻ. Hướng dẫn chấm: - <i>Đáp ứng được 2 yêu cầu: 0,5 điểm.</i> - <i>Đáp ứng được 1 yêu cầu: 0,25 điểm.</i>	0,5
Tổng điểm		10,0

ĐỀ 2

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

(Lược phần đầu: Dân là cô bé nghèo khổ. Thương con, không muốn con lê lết, mẹ Dân bắt em phải đi ở cho bà Chánh Liễu giàu có. Mẹ Dân chết vì ốm đau không kiêng khem bỏ lại bố Dân và hai em nhỏ. Sau hai năm, Dân trở về nhà để chăm em. Túng quẫn, bố Dân tính lên rừng kiếm ăn và cưới chồng cho Dân để trả số tiền vay 20 đồng bạc của nhà chồng dù Dân chưa đoạn tang mẹ. Sáng sớm, nghe lời bố, Dân xuống chợ mua cau, chè để chiêu đón nhà chồng làm đám cưới đưa Dân về làm dâu. Xế chiều, mẹ chồng và chồng đến nhà Dân xin dâu. Nghe những lời thưa chuyện nhẹ nhàng, khéo léo từ mẹ chồng Dân, bố Dân chỉ thấy buồn tủi, đờ đẫn, tái tê...)

Đến tối, đám cưới mới ra đi. Vên vên có sáu người, cả nhà gái nhà trai. Ông bố vợ đã tưởng không đi. Nhưng bà mẹ chồng cố mời. Vả lại nếu ông

không đi, thì hai đứa bé cũng không thể đi mà Dần thì đang khóc lóc. Nếu chỉ có mình nó ra đi thì có lẽ nó cũng không chịu nổi. Ông đành kéo mấy cánh rào lấp ngõ rồi đi vậy.

Dần không chịu mặc cái áo dài của bà mẹ chồng đưa, thành thử lại chính bà khoác cái áo ấy trên vai. Dần mặc những áo vải ngày thường nghĩa là một cái quần sông cộc xằng và đụp những miếng vá thật to, một cái áo cánh nâu bạc phéch và cũng vá nhiều chỗ lắm, một bên tay rách quá, đã xé cụt gần đến nách. Nó sụt sịt khóc, đi bên cạnh mẹ chồng. Chú rể dắt đứa em lớn của Dần. Còn thằng bé thì ông bế công. Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xẩm lẳng lẳng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...

Đến nhà trai, bà mẹ chồng mời bố Dần uống nước ăn trầu. Rồi bà giết một con gà, dọn cho ba bố con ông một mâm cơm. (Dần vừa thẹn vừa buồn không chịu ngồi ăn). Ba bố con lặng lẽ ăn. Người cha ăn có vài lượt cơm, rồi buông bát đĩa, ngồi xĩa răng đợi cho hai đứa con ăn. Ông thúc chúng ăn nhanh lên, rồi còn về kéo khuya. Thằng lớn và cơm phùng mồm ra, bị ghen mấy lần. Khi cả hai con đã thôi cơm, ông cho chúng nó uống nước rồi đứng lên, chào bà mẹ chồng Dần để ra về. Ông dắt thằng lớn và công thằng bé trên lưng. Dần đứng đợi cha ở ngoài sân. Nó vẫn còn dụi mắt. Người cha ái ngại, đứng lại nhìn con một thoáng rồi âu yếm bảo:

- Thôi! Thầy cho em về nhé.

Dần khóc nức lên. Hai đứa em không còn chế nhạo nữa.

Thằng lớn chực khóc. Thằng bé ngáy mặt ra vì không hiểu sao cả. Người cha mắng yêu con:

- Mẹ chúng mày!...

Bà mẹ chồng thấy Dần khóc quá, chạy ra. Bố Dần vội bước đi. Dần chạy theo cha, nước nở:

- Thầy!... Thầy...

- Mẹ mày!... nín đi cho thầy về.

- Thầy đừng... đi... lên rừng!

Người cha thấy lòng thổn thức và đáp liêu:

- Ủ, thì thôi... Mẹ mày!

1942

(Một đám cưới, Truyện ngắn Nam Cao, NXB Văn học, 2008, tr.189-191)

Thực hiện các yêu cầu:

Câu 1: Xác định ngôi kể trong đoạn trích. (0,5 điểm)

Câu 2: Tìm những chi tiết, hình ảnh miêu tả trang phục của Dân khi về nhà chồng? (0,5 điểm)

Câu 3: Nêu tác dụng của biện pháp so sánh trong câu văn sau: *Cả bọn đi lủi thủi trong sương lạnh và bóng tối như một gia đình xám lẳng lặng dắt díu nhau đi tìm chỗ ngủ...* (1,0 điểm)

Câu 4: Em hiểu như thế nào về nhan đề "*Một đám cưới*"? (1,0 điểm)

Câu 5: Từ văn bản trên, anh/chị hãy viết một đoạn văn (khoảng 100 chữ) nghị luận về chủ đề: “Vượt lên nghịch cảnh”

II. PHẦN VIẾT (6.0 điểm)

Sai lầm là điều không thể tránh khỏi trong cuộc sống của mỗi người. Tuy nhiên, nhiều người khi phạm phải sai lầm lại có thói quen đổ lỗi cho người khác. Anh/chị hãy viết bài văn nghị luận thuyết phục người khác từ bỏ thói quen không dám nhận trách nhiệm, luôn đổ lỗi cho người khác.